

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 7 -2020

“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Doãn Thị Lệ
2. Ông Lương Văn Kiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hải - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga -Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Đình N, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 27/9 Ama Q, tổ 8, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Ngô Ngọc H, sinh năm 1970.

Địa chỉ: 27/9 Ama Q, tổ 8, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 02 năm 2020, bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Trần Đình N trình bày:

Anh và chị Ngô Ngọc H tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hải C, quận H, thành phố Đà Nẵng vào ngày 07/8/2001. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, chị H có những lời lẽ xúc phạm mẹ anh, hiện anh và chị H đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh và chị H không còn quan tâm, chăm sóc, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và

chị H đã thật sự mất hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Trần Nhật V, sinh ngày 10-11-2000, nay cháu đã thành niên, tự lập nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn là chị Ngô Ngọc H trình bày: Chị và anh Trần Đình N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Hải C, quận H, thành phố Đà Nẵng vào ngày 07/8/2001 như anh N trình bày là đúng. Trong thời gian đầu vợ chồng chị sống hạnh phúc, nhưng vài năm gần đây có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh N thường bỏ nhà đi không về mặc cho chị đau ốm, bệnh tật, chị biết anh N có người phụ nữ khác bên ngoài nhưng không có chứng cứ, hiện chị và anh N đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay. Anh N yêu cầu ly hôn thì chị không đồng ý.

Về con chung: Đúng như anh N trình bày, chị đồng ý không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Đình N, về hôn nhân: anh Trần Đình N được ly hôn với chị Ngô Ngọc H, về con chung, tài sản chung và nợ chung: anh N và chị H không yêu cầu nên không giải quyết; về án phí: buộc anh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn anh Trần Đình N yêu cầu ly hôn với chị Ngô Ngọc H, sinh năm 1970, địa chỉ: 27/9 Ama Q, tổ 8, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đình N và chị Ngô Ngọc H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên đây là hôn

nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống anh N và chị H phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân cho đến nay anh N và chị H cũng không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Xét quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có căn cứ để xác định anh N và chị H có mâu thuẫn, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không cùng chăm lo cho công việc chung của gia đình, không còn nghĩa vụ sống chung với nhau. Do đó, tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh N theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con: Anh N và chị H có 01 con chung là cháu Trần Nhật V, sinh ngày 10/11/2000, nay cháu đã thành niên, tự lập nên anh và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Anh N và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Đình N, cụ thể như sau:

1. Về hôn nhân: Anh Trần Đình N ly hôn với chị Ngô Ngọc H

2. Về án phí: Anh Trần Đình N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004631 ngày 06 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, anh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp.Pleiku;
- THADS Tp.Pleiku;
- UBND phường Hải C, quận H, thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Thu